



**Bài báo nghiên cứu**

**XÂY DỰNG ỨNG DỤNG WEB YUKU THIẾT KẾ BÀI TẬP HỖ TRỢ  
HỌC MÔN NGỮ PHÁP TIẾNG TRUNG QUỐC CHO SINH VIÊN  
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Lê Minh Thu\*, Huỳnh Như, Nguyễn Thị Đài Trang, Trần Thị Thanh Hương, Châu A Phi*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ: Lê Minh Thu – Email: 4601754145@student.hcmue.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 09-01-2024; ngày nhận bài sửa: 20-02-2024; ngày duyệt đăng: 22-8-2024*

**TÓM TẮT**

Bài viết dựa vào lí luận về kiểm tra đánh giá, mô hình ADDIE và nhu cầu thực tế của sinh viên (SV) để xây dựng ứng dụng Web YUKU thiết kế hệ thống bài tập và hệ thống bài thi thử. Hệ thống bao gồm 4 nội dung kiến thức: Từ loại, cụm từ, câu đơn, câu ghép và được thể hiện dưới 6 dạng bài tập: Bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, bài tập ghép đôi, bài tập phán đoán đúng sai, bài tập phân loại, bài tập điền vào chỗ trống và bài tập phân tích. Ngoài ra Web còn cung cấp một số tính năng khác hỗ trợ học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc cho SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Cuối cùng, để bảo đảm tính khách quan và khoa học, nhóm nghiên cứu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra tính hiệu quả của Web, đồng thời đưa ra phương án cải tiến thích hợp trong tương lai.

**Từ khóa:** bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc; sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc; Web YUKU; xây dựng ứng dụng Web

**1. Đặt vấn đề**

Hiện nay, tiếng Trung Quốc là một trong những ngôn ngữ vô cùng phổ biến trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Người học trong quá trình học tiếng Trung Quốc, bên cạnh từ vựng thì ngữ pháp cũng là một trong những phương diện quan trọng cần nắm vững. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều SV còn gặp khó khăn trong quá trình học ngữ pháp tiếng Trung Quốc, cụ thể là trong môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc.

Bài nghiên cứu đặt ra mục tiêu xây dựng hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc hoàn thiện, khoa học, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của người học; xây dựng ứng dụng Web YUKU hỗ trợ học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc cho SV ngành Ngôn ngữ

---

*Cite this article as:* Le Minh Thu, Huynh Nhu, Nguyen Thi Dai Trang, Tran Thi Thanh Huong, & Chau A Phi (2024). Developing Yuku Web to design exercises to support Chinese grammar learning at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(8), 1384-1396.

Trung Quốc. Ứng dụng này hỗ trợ người học khái quát lại kiến thức lí thuyết, đồng thời cung cấp hệ thống bài tập và đề thi thử đa dạng, khoa học để người học luyện tập, nâng cao chất lượng học tập.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Cơ sở lí luận

- **Thang năng lực nhận thức Bloom**

Trong lĩnh vực nhận thức, vào năm 1956, Benjamin Bloom – Nhà tâm lí học giáo dục Mỹ đã viết cuốn “Taxonomy of Educational Objectives, Handbook 1: The Cognitive Domain”. Trong đó, ông đã phân chia năng lực nhận thức thành 6 mức độ từ thấp đến cao như sau: Biết (Knowledge), Hiểu (Comprehension), Vận dụng (Application), Phân tích (Analysis), Tổng hợp (Synthesis), Đánh giá (Evaluation). Tuy nhiên, nhận thấy thang phân loại trên chưa thật hoàn chỉnh, vào giữa thập niên 1990, Lorin Anderson – Một học trò của Bloom đã cùng một số cộng sự đề xuất điều chỉnh thành thang Bloom mới (Bloom’s Revised Taxonomy). Định lượng quá trình nhận thức trong phiên bản phân loại tư duy của Bloom mới thành 6 mức độ như sau: Nhớ (Remembering), Hiểu (Understanding), Vận dụng (Applying), Phân tích (Analyzing), Đánh giá (Evaluating), Sáng tạo (Creating).

Theo cuốn *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học* của nhóm tác giả Sái Công Hồng (1996), việc xếp một hành vi nhận thức vào một trong sáu cấp độ nhận thức trên không hề đơn giản. Các nhà khoa học đều nhận thấy có sự giao thoa nhất định giữa các bậc nhận thức liền nhau. Vì vậy để thuận tiện cho việc sử dụng thang 6 bậc nhận thức của Bloom (Bloom’s Revised Taxonomy), cuốn sách đã đề xuất cách nhóm thang Bloom thành 3 bậc, thang đo này đã và đang được sử dụng phổ biến.

Thang Bloom giúp phân loại và mô tả các mục tiêu học tập dựa trên mức độ tư duy và phân tích của người học. Các bậc trong thang Bloom 3 bậc bao gồm: Bậc 1: Tái hiện – Nhớ, bậc 2: Tái tạo – Hiểu, vận dụng và bậc 3: Lập luận sáng tạo (Phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo). Bởi tính đơn giản, linh hoạt và đáp ứng được nhu cầu đánh giá và phát triển tư duy trong nhiều ngữ cảnh, nhóm nghiên cứu chọn thang năng lực nhận thức Bloom 3 bậc làm cơ sở để tiến hành xây dựng hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc.

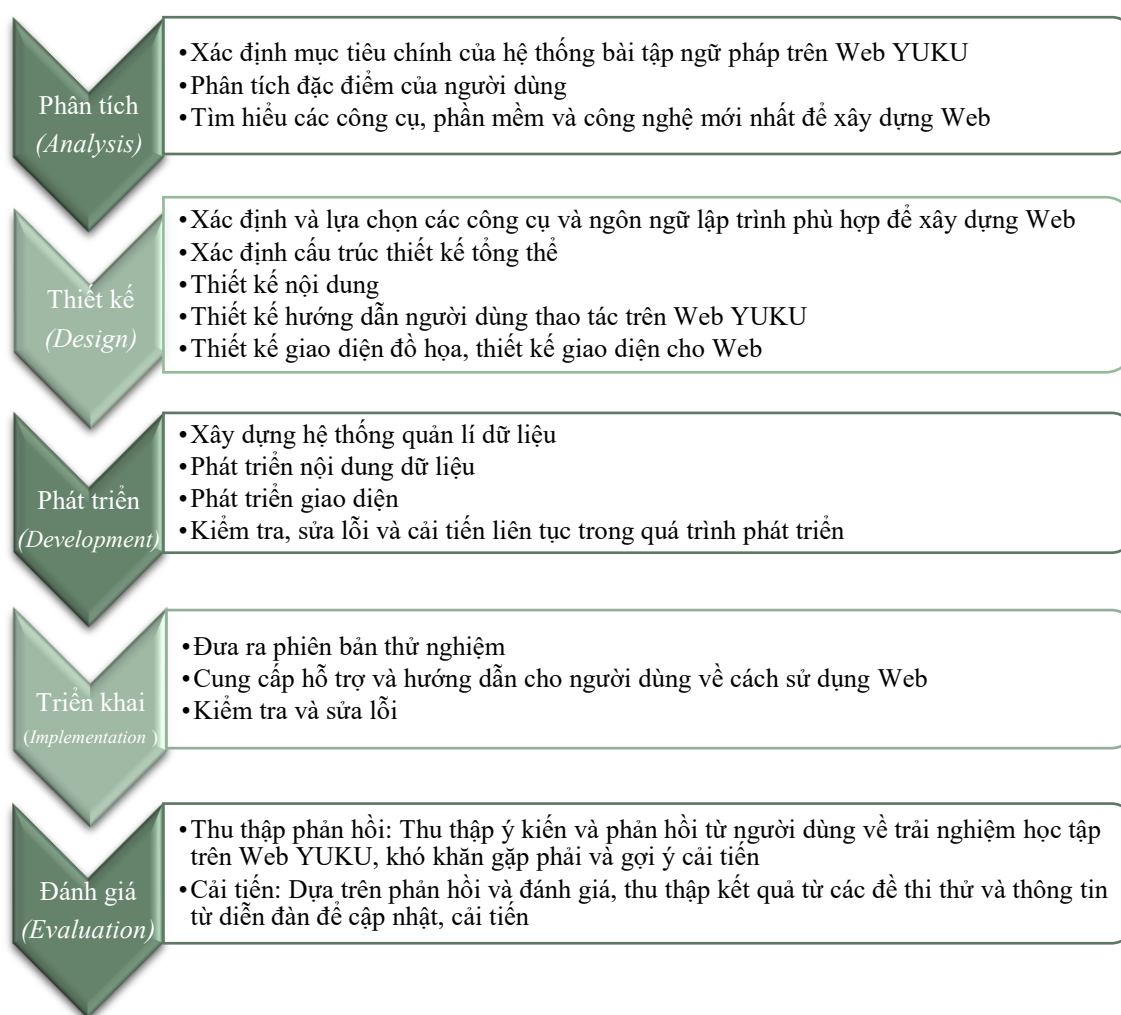
- **Trắc nghiệm khách quan**

Theo cuốn “Kiểm tra đánh giá trong dạy học” của nhóm tác giả Sái Công Hồng (1996), trắc nghiệm khách quan là những câu hỏi mà việc chấm điểm hoàn toàn không phụ thuộc chủ quan của người cho điểm. Vì hệ thống bài tập được xây dựng trên nền tảng Web nên chỉ sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan. Các dạng thức điển hình của câu trắc nghiệm khách quan mà nhóm nghiên cứu sử dụng trong hệ thống bài tập gồm: Câu trắc nghiệm lựa chọn Đúng/Sai, câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, câu trắc nghiệm ghép đôi (Ghép hợp), câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

• **Mô hình ADDIE**

Mô hình ADDIE là một mô hình thiết kế giáo dục, được đưa ra bởi Benjamin S. Bloom và nhóm nghiên cứu của ông vào cuối thập kỉ 70 của thế kỉ XX. Tên của mô hình là viết tắt từ các bước chính của nó: Analysis (Phân tích), Design (Thiết kế), Development (Phát triển), Implementation (Triển khai), và Evaluation (Đánh giá). Năm giai đoạn kết nối và tương tác với nhau, hiệu quả cho nhiều chương trình giáo dục khác nhau.

Trong quá trình xây dựng Web YUKU thiết kế bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc, nhóm nghiên cứu áp dụng mô hình ADDIE để đưa ra khung tiêu chuẩn cụ thể để phân tích, thiết kế, triển khai và đánh giá tiến độ phát triển và tính thực thi của đề tài.



**Sơ đồ 1.** Mô hình ADDIE xây dựng Web YUKU thiết kế hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây:

Phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu: Tìm kiếm và phân tích các tài liệu tham khảo và các nghiên cứu liên quan ở trong nước và ngoài nước để tổng hợp được

hiều dạng bài tập, bổ sung vào hệ thống bài tập. Điều này giúp cho hệ thống bài tập phong phú đa dạng hơn, cũng như đảm bảo tính logic, khoa học về cơ sở lý thuyết.

Phương pháp điều tra: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng khảo sát, nhằm hiểu rõ thực trạng của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong việc học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc, nắm bắt được nhu cầu thực tế của SV đối với các dạng bài tập và nội dung kiến thức, xác định phương hướng xây dựng hệ thống bài tập một cách khoa học và phù hợp với nhu cầu thực tế của SV, những hiệu quả đã đạt được cũng như những khó khăn còn tồn tại. Lấy đó làm cơ sở để bổ sung và hoàn thiện trang Web và nội dung nghiên cứu.

**Bảng 1. Khảo sát thực trạng học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc**

BẢNG KHẢO SÁT THỰC TRẠNG HỌC MÔN NGỮ PHÁP TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SV NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC						
Bảng khảo sát này dành cho SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường X (Sử dụng giáo trình Cơ sở tiếng Trung Quốc hiện đại - phần Ngữ pháp).						
Bảng khảo sát này nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, chúng tôi sẽ bảo mật thông tin cá nhân của các bạn. Xin chân thành cảm ơn!						
1. Thông tin cá nhân						
1.1. Họ và tên:						
1.2. Mail:						
1.3. Bạn là SV khóa:		<input type="checkbox"/> 44	<input type="checkbox"/> 45	<input type="checkbox"/> 46		
1.4. Điểm học phần môn này của bạn là:		<input type="checkbox"/> Đang học, chưa có điểm	<input type="checkbox"/> A	<input type="checkbox"/> B, B+		
1.5. Bạn hãy tự đánh giá trình độ ngữ pháp Tiếng Trung Quốc của bản thân (Thang điểm từ 1 đến 10)		<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
		<input type="checkbox"/> 6	<input type="checkbox"/> 7	<input type="checkbox"/> 8	<input type="checkbox"/> 9	<input type="checkbox"/> 10
2. Đánh giá của đối tượng tham gia khảo sát						
2.1 Đánh giá mức độ khó của các kiến thức ngữ pháp sau theo mức độ 1 đến 5: (1- rất dễ; 2- dễ; 3- trung bình; 4- khó; 5- rất khó)						
1. 词类	1.1. 虚词	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	1.2. 实词	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
2. 短语	2.1. 短语的结构类型	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	2.2. 短语的功能类型	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	2.3. 复杂短语	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	2.4. 同形结构	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
3. 单句	3.1. 句型	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	3.2. 句类	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	3.3. 句式	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
4. 复句	4.1. 分句和关系词语	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5

	4.2. 复句的关系类型	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
	4.1. 多重复句	<input type="checkbox"/> 1	<input type="checkbox"/> 2	<input type="checkbox"/> 3	<input type="checkbox"/> 4	<input type="checkbox"/> 5
2.2. Đối với bạn, những lí do khiến việc học ngữ pháp tiếng Trung Quốc khó khăn là:						
<input type="checkbox"/> Bài tập thực hành ít	<input type="checkbox"/> Không có đủ thời gian để học	<input type="checkbox"/> Kiến thức khô khan nên khó tiếp thu				
<input type="checkbox"/> Không nắm được trọng tâm bài học	<input type="checkbox"/> Kiến thức quá khó	<input type="checkbox"/> Khác				
Nếu chọn khác, hãy ghi rõ lí do:						
2.3. Bạn cảm thấy thế nào khi có một Web bài tập ngữ pháp hỗ trợ SV ngành tiếng Trung Quốc trong quá trình học môn ngữ pháp?						
<input type="checkbox"/> Cảm thấy cần thiết	<input type="checkbox"/> Không quan tâm	<input type="checkbox"/> Cảm thấy không cần thiết				
2.4. Nếu có Web bài tập ngữ pháp như vậy, bạn muốn Web có những dạng bài tập nào?						
<input type="checkbox"/> Bài tập bổ ngữ	<input type="checkbox"/> Bài tập cụm từ	<input type="checkbox"/> Bài tập lí thuyết				
<input type="checkbox"/> Bài tập phân tích	<input type="checkbox"/> Bài tập xác định quan hệ giữa các phân câu trong câu ghép	<input type="checkbox"/> Khác				
Nếu chọn khác, hãy ghi rõ lí do:						

Phương pháp chuyên gia: Nhóm nghiên cứu dựa theo mẫu phiếu điều tra chuyên gia dưới đây để thu thập ý kiến của chuyên gia trong việc đánh giá, nhận xét về ma trận và hệ thống bài tập. Tiến hành thu thập các ý kiến khác nhau của chuyên gia, kiểm tra lẫn nhau, từ đó đưa ra những đề xuất và cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc.

**Bảng 2. Phiếu điều tra chuyên gia**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (ĐHSP TPHCM) KHOA TIẾNG TRUNG BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ngày ... tháng ... năm 2023	
A. Nội dung đánh giá: Tên đề tài: Xây dựng ứng dụng Web YUKU thiết kế bài tập hỗ trợ học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc cho SV ngành ngôn ngữ Trung Quốc trường ĐHSP TPHCM Sản phẩm đánh giá: Ma trận xây dựng hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc, ma trận đề thi thử và hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Phương pháp đánh giá: Xem ma trận và hệ thống bài tập, sau đó người đánh giá cho điểm từng phần trên thang điểm 10 và trả lời câu hỏi nhận xét.	
B. Đánh giá: 1. Chấm điểm	
Nội dung	Chấm điểm (Trên thang điểm 10)
	Ma trận xây dựng 4 nội dung kiến thức của hệ thống bài tập

Ma trận	ngữ pháp tiếng Trung Quốc		
	Ma trận xây dựng các dạng bài tập trong từng nội dung kiến thức của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc		
	Ma trận đề thi thử tổng hợp bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc		
	Ma trận đề thi thử bài tập từ loại ngữ pháp tiếng Trung Quốc		
Hệ thống bài tập	Hình thức		
	Nội dung	Phần từ loại	
		Phần cụm từ	
		Phần câu đơn	
	Phần câu ghép		

2. Nhận xét

2.1. Về ma trận

Ma trận xây dựng 4 nội dung kiến thức của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

.....

Ma trận xây dựng các dạng bài tập trong từng nội dung kiến thức của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

.....

Ma trận đề thi thử tổng hợp bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

.....

Ma trận đề thi thử bài tập từ loại ngữ pháp tiếng Trung Quốc

.....

Thầy/ cô cho rằng ma trận hệ thống bài tập nhóm nghiên cứu xây dựng có hợp lí chưa?

.....

2.2. Về hệ thống bài tập

Hình thức

.....

Nội dung

.....

Thầy/ cô cảm thấy hệ thống bài tập mà nhóm xây dựng đã khoa học chưa?

.....

Nhóm SV thực hiện đề tài  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giáo viên hướng dẫn  
(Kí, ghi rõ họ tên)

Giáo viên đánh giá  
(Kí, ghi rõ họ tên)

**2.2. Xây dựng hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc**

**2.2.1. Tiêu chí và nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập**

Dựa trên việc sử dụng các nguồn tài liệu giáo trình và sách tham khảo trong lĩnh vực liên quan đến ngữ pháp tiếng Trung Quốc; nhu cầu thực tiễn, mục tiêu học tập của SV và các gợi ý, kiến nghị từ các chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ học và giảng dạy tiếng Trung Quốc, nhóm nghiên cứu đưa ra các tiêu chí và nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập như sau:

Tiêu chí: Nội dung kiến thức đa dạng và khoa học, được thiết kế theo 3 cấp độ từ dễ đến khó theo thang năng lực nhận thức Bloom 3 bậc (Bậc 1. Tái hiện - Nhớ; Bậc 2. Tái tạo - Hiểu, vận dụng; Bậc 3. Lập luận sáng tạo: Phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo). Cung cấp 4 nội dung kiến thức trọng tâm mà SV cần nắm khi học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc: Kiến thức từ loại, kiến thức cụm từ, kiến thức câu đơn và kiến thức câu ghép. Dạng bài tập phong phú, trực quan, sinh động, gồm 6 dạng bài tập: Bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, bài tập phán đoán đúng sai, bài tập phân loại, bài tập ghép đôi, bài tập điền vào chỗ trống, bài tập phân tích giúp SV nắm vững kiến thức qua nhiều khía cạnh khác nhau và kích thích sự hứng thú khi SV làm bài.

Nguyên tắc: Đảm bảo hàm lượng kiến thức phù hợp với chuẩn đầu ra môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc của Khoa Tiếng Trung Trường ĐHSP TPHCM: Nắm được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học, trình bày linh hoạt, thể hiện quan điểm cá nhân; Vận dụng được kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc để phát hiện lỗi sai, sửa lỗi sai, làm rõ nguyên nhân gây ra lỗi sai và biện pháp khắc phục; Phân tích được các hình thức cấu tạo từ, cụm từ đẳng lập, cụm từ chính phụ, phân tích thành phần câu, câu đơn, câu ghép; Vận dụng được các kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc để nghe, nói, đọc, viết hiệu quả.

Đảm bảo tuân thủ nguyên tắc hệ thống.

Đảm bảo tính chính xác và khoa học của nội dung.

Đảm bảo phù hợp với khả năng của người học.

### 2.2.2. Xây dựng ma trận

Nhằm đảm bảo tính khoa học của hệ thống bài tập, nhóm nghiên cứu dựa trên khảo sát tình hình học môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc của SV Trường ĐHSP TPHCM và đề cương môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc của khoa Tiếng Trung Trường ĐHSP TPHCM xây dựng 2 ma trận như sau:

**Bảng 3. Ma trận xây dựng 4 nội dung kiến thức của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc**

STT	Kiến thức	Năng lực cần đánh giá/ Cấp độ nhận thức			Tổng cộng (câu)	Tỉ lệ (%)
		Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)	Bậc 2: Tái tạo (Hiểu - Vận dụng)	Bậc 3: Lập luận Sáng tạo (Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo)		
1	Từ loại	60	80	50	190	19
2	Cụm từ	130	135	105	370	37
3	Câu đơn	90	125	75	290	29
4	Câu ghép	45	60	45	150	15
<b>Tổng cộng (câu)</b>		325	400	275	1000	
<b>Tỉ lệ (%)</b>		32,5	40	27,5		100

**Bảng 4. Ma trận xây dựng các dạng bài tập trong từng nội dung kiến thức của hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc**

STT	Kiến thức	Dạng bài tập	Năng lực cần đánh giá/ Cấp độ nhận thức			Tổng cộng (câu)	Tỉ lệ (%)
			Bậc 1: Tái hiện (Nhớ)	Bậc 2: Tái tạo (Hiểu-Vận dụng)	Bậc 3: Lập luận Sáng tạo (Phân tích-Đánh giá- Sáng tạo)		
1	Từ loại	Bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	35	20	35	90	9
		Bài tập phán đoán đúng sai	10	15	5	30	3
		Bài tập phân loại	15	25	0	40	4
		Bài tập điền vào chỗ trống	0	5	5	10	1
		Bài tập ghép đôi	0	15	5	20	2
2	Cụm từ	Bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	70	40	50	160	16
		Bài tập phán đoán đúng sai	10	30	20	60	6
		Bài tập phân loại	0	10	0	10	1
		Bài tập điền vào chỗ trống	0	20	15	35	3,5
		Bài tập ghép đôi	15	10	0	25	2,5
		Bài tập về bổ ngữ	30	20	10	60	6
		Bài tập phân tích	5	5	10	20	2
3	Câu đơn	Bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	45	35	32	112	11,2
		Bài tập phán đoán đúng sai	5	5	5	15	1,5
		Bài tập sửa câu sai	0	15	8	23	2,3
		Bài tập phân loại	15	25	0	40	4
		Bài tập phân tích	25	45	30	100	10
4	Câu ghép	Bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn	27	31	32	90	9
		Bài tập phán đoán đúng sai	3	4	3	10	1
		Bài tập câu ghép rút gọn	0	5	5	10	1
		Bài tập điền vào chỗ trống	15	20	5	40	4
<b>Tổng cộng (câu)</b>			325	400	275	1000	
<b>Tỉ lệ (%)</b>			32,5	40	27,5		100



2.2.3. Ví dụ minh họa của các dạng bài tập

Nội dung bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc được xây dựng dựa theo giáo trình *Cơ sở tiếng Trung Quốc hiện đại* (Xiandai Hanyu Gailun), phần ngữ pháp đã được khoa Tiếng Trung Trường ĐHSP TPHCM đưa vào giảng dạy trong môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc, gồm 4 nội dung kiến thức: Từ loại, cụm từ, câu đơn, câu ghép và được trình bày dưới 6 dạng: Bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, bài tập ghép đôi, bài tập phán đoán đúng sai, bài tập phân loại, bài tập điền vào chỗ trống và bài tập phân tích.

(1) Dạng bài tập trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Ví dụ (Cấp độ Lập luận sáng tạo):

“望子成尤” 这个短语是……:

- A. 联合短语      B. 偏正短语      C. 兼语短语      D. 主谓短语

Đáp án: C

(2) Dạng bài tập phán đoán đúng sai. Ví dụ (cấp độ Tái hiện):

		对	错
1	汉语的词类系统包括十类实词和五类虚词。		
2	“红通通、糊里糊涂、毕竟” 都是形容词。		
3	汉语里形容词或形容词性短语可以直接做谓语。		

Đáp án: 1. 错 2. 错 3. 对

(3) Dạng bài tập ghép đôi. Ví dụ:

\* Cấp độ Tái hiện:

(a) 请把下列词和相关的词性连接起来

- |       |        |
|-------|--------|
| 1. 几乎 | A. 象声词 |
| 2. 替  | B. 副词  |
| 3. 需要 | C. 介词  |
| 4. 哈哈 | D. 动词  |
| 5. 雪白 | E. 形容词 |

Đáp án: 1. B 2. C, D 3. D 4. A 5. E

\* Cấp độ Tái tạo:

(b) 请把下列短语和相关的功能类型连接起来

- |           |           |
|-----------|-----------|
| 1. 这个不漂亮  | A. 动词性短语  |
| 2. 经营成本   | B. 名词性短语  |
| 3. 应该努力学习 | C. 形容词性短语 |

Đáp án: 1. C 2. B 3. A

(4) Dạng bài tập phân loại. Ví dụ:

\* Cấp độ Tái hiện:

(a) 把下面的词语进行归类

别的、忽然、它们、哎呀、互相、很、这里、喂

叹词: \_\_\_\_\_

副词: \_\_\_\_\_

代词: \_\_\_\_\_

Đáp án: 叹词: 哎呀、喂; 副词: 忽然、互相、很; 代词: 别的、这里、它们

\* Cấp độ Tái tạo:

(b) 按功能类型归类

1. 累得不想说话
2. 对他 (不承认)
3. 从南方 (来)
4. 高兴得跳起来
5. 缺乏工作经验的人

名词性短语: \_\_\_\_\_

形容词性短语: \_\_\_\_\_

修饰性短语: \_\_\_\_\_

Đáp án: 名词性短语: 5      形容词性短语: 1, 4      修饰性短语: 2, 3

(5) Dạng bài tập điền vào chỗ trống. Ví dụ:

\* Cấp độ Tái tạo:

(a) 判断下列词的词性

1. 意识: \_\_\_\_\_; 2. 作家: \_\_\_\_\_

Đáp án: 1. 动词、名词; 2. 名词

\* Cấp độ Tái tạo:

(b) 判断下列短语的内部结构关系

1. 公平与平等: \_\_\_\_\_; 2. 告诉妈妈: \_\_\_\_\_

Đáp án: 1. 联合短语; 2. 述宾短语

\* Cấp độ Tái tạo:

(c) 选择恰当的关联词语填空

因为, 一边, 才, 一边, 所以, 只有

1. …… 天气不好, …… 飞机推迟起飞。
2. 我们 …… 吃苹果 …… 看电视。
3. …… 坚持 …… 能成功。

Đáp án: 1. 因为 …… 所以; 2. 一边 …… 一边; 3. 只有 …… 才

\* Cấp độ Tái tạo:

(d) 紧缩句子 “不管你说不说他也知道。”

Đáp án: 你说不说他也知道。

(6) Dạng bài tập phân tích. Ví dụ (cấp độ Tái tạo):

用层次分析法分析 “不能磨灭的深刻印象” 这个短语

Đáp án:      不能 磨灭 的 深刻 印象



#### 2.2.4. Đánh giá của chuyên gia

Kết quả từ việc thu thập đánh giá của 4 chuyên gia là giảng viên giảng dạy môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc của các trường đại học (trong đó có 3 chuyên gia là giảng viên của Trường ĐHSP TPHCM và 1 giảng viên của Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học TPHCM đang thỉnh giảng tại Trường ĐHSP TPHCM) cho thấy, 4 chuyên gia đều đánh giá cao, trong đó cao nhất là phần hình thức trình bày của hệ thống bài tập, ngoài ra có những phần như bài tập câu ghép và ma trận đề thi thử đạt đến mức điểm tối đa là 10 điểm, những phần khác cũng nhận được sự đánh giá tốt và không có mục nào bị đánh giá dưới điểm 8. Các chuyên gia còn đưa ra những nhận xét và góp ý khách quan về hệ thống bài tập, họ cho rằng hệ thống bài tập và các ma trận đều mang tính khoa học, tính hệ thống và có tính ứng dụng nhất định.

### 2.3. Xây dựng và thử nghiệm Web YUKU thiết kế hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc

#### 2.3.1. Xây dựng Web YUKU

Web YUKU được xây dựng trên 4 bước: Đăng kí tên miền; Thiết kế Web; Thuê máy chủ; Quản lí và duy trì Web. Với các công cụ hỗ trợ như ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ định dạng CSS... Trang Web YUKU được xây dựng một cách tối giản thân thiện và dễ dàng sử dụng với các giao diện chính bao gồm: Giao diện trang chủ; Lí thuyết; luyện tập; hệ thống đề thi thử; diễn đàn. Trong đó, giao diện luyện tập được thể hiện với 4 chủ đề luyện tập gồm: Từ loại, cụm từ, câu đơn và câu ghép. Mỗi chủ đề bao gồm nhiều dạng bài tập và với mỗi dạng bài tập, trước khi vào làm bài Web sẽ hiển thị hướng dẫn làm bài. Sau khi làm bài xong, bên dưới sẽ có các nút chọn như: Kiểm tra, làm bài khác và đổi dạng khác. Ngoài ra, giao diện hệ thống đề thi thử bao gồm 13 bộ đề và 1 bộ đề ngẫu nhiên giúp người học có thể ôn luyện tổng hợp, củng cố kiến thức một cách toàn diện và đầy đủ hơn.

Địa chỉ trang Web YUKU: <https://yukuvn.com>

#### 2.3.2. Thử nghiệm Web YUKU

Mục đích của việc thử nghiệm là kiểm tra độ hiệu quả của Web YUKU trong việc xây dựng và thiết kế hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc cho SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, đồng thời thu thập mức độ hài lòng của SV đối với Web YUKU.

Thời gian phát hành và thời gian nghiệm thu, tổng 19 ngày (21/03/2023-08/04/2023); Số lượng người dùng là 337 người.

Để phân tích một cách khách quan, nhóm nghiên cứu bỏ qua lượt tương tác tại trang chủ Web YUKU (YUKU) và phần trang hiển thị các dạng bài tập (YUKU-luyện tập).

Phần luyện tập: Người dùng luyện tập nhiều nhất ở bài tập từ loại (15 phút 01 giây) và bài tập cụm từ (16 phút 33 giây)

Phần lí thuyết và phần thi thử: Phần lí thuyết: 230 số lần xem, 99 số lượng người truy cập; phần thi thử: 393 số lần xem, 58 người truy cập.

Bài khảo sát người học sau khi trải nghiệm Web YUKU:

Thông qua kết quả khảo sát, đa số người dùng đánh giá Web YUKU hữu ích với việc học ngữ pháp tiếng Trung Quốc của bản thân, còn về những góp ý của người dùng dành cho Web có thể chia thành 3 nhóm: (1) Cảm thấy Web YUKU đã hoàn thiện và mong chờ sự phát triển sau này của Web YUKU; (2) Không có ý kiến; (3) Còn nhiều điểm cần cập nhật và cải thiện (Cập nhật thêm bài tập, đề thi thử, bài tập mở rộng. Cải thiện hệ thống hiển thị lí thuyết, tốc độ truy cập. Còn có lỗi kĩ thuật và một số câu có đáp án chưa chặt chẽ).

Việc thử nghiệm Web YUKU đã làm rõ tính thiết thực của đề tài, đáp ứng được phần lớn nhu cầu của người dùng, đồng thời giúp nhóm nghiên cứu đưa ra phương án thích hợp để cải tiến Web YUKU phát triển trong tương lai.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng Web YUKU thiết kế hệ thống bài tập ngữ pháp, tích hợp nhiều tính năng hỗ trợ SV nắm vững môn Ngữ pháp tiếng Trung Quốc, cung cấp cho SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc một công cụ học tập tiện lợi và hiệu quả với hệ thống bài tập 1000 câu, xoay quanh 4 chủ đề học tập: từ loại, cụm từ, câu đơn, câu ghép được chia thành 3 cấp độ tái hiện, tái tạo, lập luận sáng tạo theo thang năng lực nhận thức Bloom 3 bậc cung cấp đầy đủ nội dung và kiến thức cho người học luyện tập nâng cao trình độ ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Hệ thống bài tập ngữ pháp tiếng Trung Quốc được xây dựng khoa học, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của người học. Ứng dụng này có thể hỗ trợ người học trong việc khái quát lại kiến thức lí thuyết, đồng thời cung cấp hệ thống bài tập và đề thi thử đa dạng, khoa học để người học luyện tập, nâng cao chất lượng học tập.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R., Airasian, P. W., & Cruikshank, K. A. (Eds.) (2001). *A Taxonomy for Learning, Teaching, and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. Allyn & Bacon.
- Chen, A. B. (2002). *Xian Dai Han Yu Gai Lun [Introduction to modern Chinese]*. Beijing Language and Culture University Press.
- Liu, Y. L. & Ma, J. F. & Zhao, G. C. (2021). *Guo ji zhong wen jiao yu zhong wen shui ping deng ji biao zhun (guo jia biao zhun · ying yong jie du ben) [Chinese Proficiency Grading Standards for International Chinese Language Education (National Standard: Application and Interpretation)]*. Beijing Language and Culture University Press.

- McIver, D., Fitzsimmons, S., & Flanagan, D. (2016). Instructional Design as Knowledge Management: A Knowledge-in-Practice Approach to Choosing Instructional Methods. *Journal of Management Education*, 40(1), 47-75.
- Nguyen, Q. K. (2017). Thiet ke va to chuc day hoc truc tuyen hoc phan kien truc may tinh [Design and organize online teaching of computer architecture course]. *Journal of Science of HNUE*, 62(1), 52-64. <http://doi.org/10.18173/2354-1075>. 2017-0006
- Sai, C. H., Le, T. H., Le, T. H. H., & Le, D. N. (1996). *Giao trinh kiem tra danh gia trong day hoc* [Textbook of testing and assessment in Teaching]. VNU Publishing House.
- Trinh, V. B., & Le, T. T. C. (2017). *Phuong phap luan nghien cuu khoa hoc* [Methodology of Scientific Research]. Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.

---

**DEVELOPING YUKU WEB TO DESIGN EXERCISES TO SUPPORT CHINESE GRAMMAR LEARNING AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

**Le Minh Thu<sup>\*</sup>, Huynh Nhu, Nguyen Thi Dai Trang, Tran Thi Thanh Huong, Chau A Phi**

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*\*Corresponding author: Le Minh Thu – Email: 4601754145@student.hcmue.edu.vn*

*Received: January 09, 2024; Revised: February 20, 2024; Accepted: August 22, 2024*

**ABSTRACT**

*The study relies on related theories of assessment, ADDIE models, and students' needs to build a Web YUKU app. It can design exercises and tests. The system consists of four aspects: words, phrases, simple sentences, and complex sentences. These are presented in six types of exercises: Multiple-choice exercises, matching exercises, true or false exercises, classification exercises, fill-in-the-blank exercises, and analysis exercises. In addition, the Web also provides other features to support Chinese grammar learning for students. Finally, experiments were conducted to test the effectiveness of the Web. The paper offers adjustments to the Web based on the results.*

**Keywords:** Chinese grammar exercises; Chinese language major students; Web YUKU; Web application development